TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 74/2021/DS-PT
Ngày 09 tháng 7 năm 2021
V/v: Tranh chấp QSD đất và yêu cầu hủy GCNQSD đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Đông;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tự Học;

Ông Đặng Đình Lực.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: ông Ngô Ngọc Hưng - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Minh Ngọc, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 215/2020/TLPT-DS ngày 28 tháng 7 năm 2020 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"* do có kháng cáo của các đồng bị đơn đối với bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DSST ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5046/2021/QĐ-PT ngày 23 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số nhà 41, đường Phạm Ngọc T, tổ 7, phường K, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N là bà Phạm Thị L; theo giấy ủy quyền ngày 11/12/2020. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn:

2.1 Ông Bùi Văn D, sinh năm 1978. Vắng mặt.

2.2 Ông Bùi Ngọc A, sinh năm 1983. Có mặt.

2.3 Ông Lê Đình C, sinh năm 1945. Vắng mặt, đơn xin xét xử vắng mặt.

2.4 Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1964. Có mặt.

2.5 Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960. Có mặt.

2.6 Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1961. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông D, ông A, ông C, ông H, ông T: Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1961. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 1, phường K, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Danh Hùng – Chủ tịch. Vắng mặt – Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

3.2 Ông Bùi Văn D. Vắng mặt.

3.3 Ông Mai Cao Cường. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 1, phường K, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/4/2018, các lời khai và bản án sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Ngày 27/4/2015 bà Đặng Thị Hảo (là mẹ đẻ của bà Nguyệt) làm thủ tục tặng cho bà Nguyễn Thị N, trú tại: Số nhà 42, đường Phạm Ngọc T, tổ 7, phường K, thành phố H diện tích 19.926m^2 theo giấy CNQSD đất số BR 505933 ngày 27/4/2015 do UBND thành phố H cấp. Quá trình sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai. Đến tháng 7/2016 ông Bùi Văn D, ông Hoàng Văn H đến nhà hỏi mượn đường đi qua đất vườn rừng của bà Nguyệt để khai thác gỗ rừng trồng với diện tích khoảng 200m^2 tại tổ 01, phường K, thành phố H. Hai bên có thoả thuận miệng với nhau khi khai thác xong thì có trách nhiệm trồng trả số cây đã đốn chặt trong diện tích mượn đường đi qua. Sau khi khai thác xong ông Dương dự định trồng cây theo cam kết nhưng bị ông Hoàng Văn H ngăn cản và dọa đánh không cho trồng cây. Tháng 7/2017 ông Mai Cao Cường trú tại tổ 1, phường K, thành phố H đến nhà bà Nguyệt hỏi mượn đường đi qua để mua và khai thác gỗ rừng trồng với diện tích khoảng 150m^2 tại tổ 1, phường K, thành phố H. Hai bên có lập giấy tờ thoả thuận sau khi khai thác xong ông Cường có trách nhiệm trồng trả số cây đã đốn, chặt. Sau khi khai thác xong ông Cường định trồng trả cây theo cam kết thì bị ông Hoàng Văn H ngăn cản và dọa đánh. Đến tháng 9/2017, 06 hộ gia đình gồm bà Đỗ Thị N, ông Bùi Văn D, ông Bùi Ngọc A, ông Hoàng Văn H, ông Lê Đình C, ông Nguyễn Văn T cùng trú tại tổ 1, phường K, thành phố H cho rằng diện tích đất vườn của gia đình bà Nguyệt

cho ông Bùi Văn D, ông Mai Cao Cường mượn đi qua là con đường đi chung có từ trước. Ngày 17/10/2017 bà Nguyệt làm đơn kiến nghị UBND phường K đề nghị giải quyết tranh chấp, ngày 18/10/2017, UBND phường K tổ chức phiên hoà giải giữa các đương sự nhưng không thành. Bà Nguyệt làm đơn khởi kiện ra Toà án thành phố H với nội dung đề nghị Toà án buộc 06 hộ gia đình trả lại diện tích đất tranh chấp với diện tích khoảng 300m^2, giá trị 10.000.000đ; đề nghị ông Bùi Văn D, ông Mai Cao Cường trồng trả lại cây đã đốn chặt theo cam kết.

Ngày 26/11/2019 nguyên đơn bà Nguyễn Thị N có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Toà án giải quyết với các nội dung:

1. Đề nghị ông Hoàng Văn H trồng trả lại cây do ông Mai Cao Cường đã chặt phá làm đường đi và diện tích đất không canh tác được vì tranh chấp với lý do ông Hoàng Văn H ngăn cản ông Mai Cao Cường trồng trả cây cho bà theo thoả thuận.

2. Bồi thường danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại theo quy định của pháp luật.

3. Bồi thường chi phí đo đạc, thẩm định trong quá trình tham gia khiếu nại, khiếu kiện.

4. Bồi thường giá trị cây trồng không canh tác được trong những năm tranh chấp tham gia khiếu nại, khiếu kiện.

5. Công khai xin lỗi trả lại danh dự cho bà vì đã vu khống bà chiếm dụng đường đi chung.

Các khoản bà Nguyệt yêu cầu phải bồi thường bao gồm: Lương cơ bản 1.490.000đ x 3 tháng = 4.470.000đ; án phí: 500.000đ; phí thẩm định: 2.000.000đ; hợp đồng thuê luật sư: 5.000.000đ; hợp đồng đo đạc: 12.422.000đ; cây Trẩu không canh tác được: 150 cây x 170.000đ/cây = 25.500.000đ. Tổng cộng: 49.892.000đ.

Ngày 20/3/2019 các bị đơn gồm: Ông Bùi Văn D; ông Bùi Ngọc A; ông Hoàng Văn H; ông Lê Đình C; ông Nguyễn Văn T; bà Đỗ Thị N có đơn yêu cầu với nội dung: Con đường mà bà Nguyệt cho ông Bùi Văn D và ông Mai Cao Cường mượn để đi nhờ qua khai thác gỗ rừng trồng là con đường đã có từ lâu, nay UBND thành phố H cấp con đường trên vào giấy CNQSD đất mang tên bà Nguyễn Thị N là không đúng, các bị đơn đề nghị Toà án hủy giấy CNQSD đất đã cấp cho bà Nguyệt và trả lại con đường cho người dân đi chung. Về con đường này, theo những người dân sống lâu năm tại địa phương như ông Đào Huy Phán (nguyên Giám đốc lâm trường Vị Xuyên); bà Hoàng Thị Mai - sinh năm 1951; ông Nguyễn Khâm Mợi - sinh năm 1933; ông Nguyễn Đình Dần (Bí thư chi bộ tổ 01 phường K) đều cho biết con đường này có từ xa xưa, là lối đi chung cho người dân thị xã Hà Giang giao thương với các xã Phú Linh, xã Linh

Hồ, xã Kim Thạch. Sau này khi nhà nước mở con đường hiện nay thì người dân không sử dụng con đường này nữa, chỉ những người có đất rừng phía trong con đường này mới sử dụng để đi lại và không có con đường nào khác và cho rằng việc nhà nước cấp con đường trên vào giấy CNQSD đất của bà Nguyễn Thị N là không đúng, cần trả lại con đường trên cho người dân làm lối đi chung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND thành phố H trình bày: Theo tờ bản đồ số 38 năm 1997 không thể hiện con đường này. Việc UBND thành phố H cấp giấy CNQSD đất cho bà Nguyệt theo diện tặng, cho do đó UBND thành phố H không nhất trí yêu cầu huỷ giấy CNQSD đất đã cấp cho bà Nguyễn Thị N.

Ngày 21/01/2019 Toà án nhân dân thành phố H tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ diện tích đất có tranh chấp, kết quả xác định: Diện tích đất của bà Nguyễn Thị N được UBND thành phố H cấp giấy CNQSD đất số BR 505933 ngày 27/4/2015 thuộc thửa số 30 tờ bản đồ tại tổ 01, phường K có diện tích là 19.926m^2; diện tích sử dụng đo đạc thực tế là 19.997,2m^2. Theo kết quả đo đạc thì con đường hiện nay đang tranh chấp nằm trong diện tích đất của bà Nguyễn Thị N đã được UBND thành phố H cấp giấy CNQSD đất tại thửa số 30, tờ bản đồ số 40.

Ngày 29/8/2019 Văn phòng đăng ký đất đai có văn bản xác định diện tích cụ thể của con đường đang tranh chấp thuộc thửa đất số 01 mảnh trích đo số TD 14-2019 là 255,5m^2. Cụ thể: Giới hạn từ điểm 2, điểm DI đến điểm D13, điểm 3 khép về điểm 2.

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu buộc các bị đơn trả lại diện tích đất đang tranh chấp với diện tích 255,5m^2; buộc ông Bùi Văn D, ông Mai Cao Cường trồng trả cây đã bị chặt.

- Người đại diện theo uỷ quyền của các bị đơn giữ nguyên yêu cầu đề nghị huỷ giấy CNQSD đất do UBND thành phố H đã cấp cho bà Nguyễn Thị N;

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là UBND thành phố H: Không nhất trí với yêu cầu của các bị đơn về việc huỷ giấy CNQSD do UBND thành phố H cấp cho bà Nguyễn Thị N.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 16/6/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang đã Căn cứ Điều 26; Điều 34; Điều 37; Điều 147; Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 105 Luật đất đai năm 2013; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 60 nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều, khoản của Luật đất đai số 45/2013/QH13; Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền án phí, lệ phí Toà án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp quyền sử dụng đất của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

Công nhận quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp 255,5m^2 đất theo giấy chứng nhận QSD đất số BR 505933 do UBND thành phố H cấp ngày 27/4/2015 cho bà Nguyễn Thị N thửa số 30 tờ bản đồ số 40. Vị trí thửa đất: Giới hạn từ điểm 2, điểm DI, D2, D3, D4, D5, D6, D7, D8, D9, D10, DI 1, D12, D13, điểm 3 khép về điểm 2 (Có sơ đồ thửa đất kèm theo).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N về việc buộc ông Bùi Văn D và ông Mai Cao Cường trồng trả số cây đã bị chặt hạ.

Không chấp nhận yêu cầu của các bị đơn ông Bùi Văn D; ông Hoàng Văn H; ông Lê Đình C; ông Bùi Ngọc A; ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị N về việc huỷ giấy chứng nhận QSD đất số BR 505933 do UBND thành phố H cấp ngày 27/4/2015 cho bà Nguyễn Thị N.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên phần án phí, chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/6/2020, đồng bị đơn ông Bùi Văn D, ông Bùi Ngọc A, ông Lê Đình C, ông Hoàng Văn H, ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các đồng bị đơn do bà Ngân đại diện tại phiên tòa trình bầy giữ nguyên nội dung kháng cáo và nộp thêm một số tài liệu là bản sao các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông Lê Đình C, gia đình bà Ngân, gia đình ông Dương và một số sổ "lâm bạ". Nội dung kháng cáo xác định trên phần đất bà Nguyệt đang quản lý và đã được cấp giấy chứng nhận có con đường đi liên xã từ thành phố H đi vào 03 xã bên trong được hình thành và sử dụng từ năm 1962; năm 1976 nhà nước mở một con đường mới ngắn hơn để đi vào các xã bên trong nên nhân dân chủ yếu sử dụng đường đi đó, còn con đường này vẫn là đường mòn để đi vào khai thác rừng của các hộ có đất rừng bên trong.

Nguyên đơn là bà Nguyệt vắng mặt; người được ủy quyền của bà Nguyệt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên không có lời trình bầy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội kết luận:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm thực hiện đúng các quy định của tố tụng. Kháng cáo của các đồng bị đơn trong hạn luật định nên được chấp nhận để xét. Nguyên đơn vắng mặt nhưng người được ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; đại diện của Ủy ban nhân dân thành phố H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên đề nghị xét xử vắng mặt họ.

Về nội dung kháng cáo: Nguồn gốc đất này bà Hảo là mẹ của bà Nguyệt đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, năm 2011 bà Hảo tặng cho bà Nguyệt diện tích khoảng 19.000m^2 đất rừng này. Thực tế trước đó các hộ dân thuộc khu vực đã sử dụng con đường để đi lại qua diện tích đất này.

Ngoài ra khi khởi kiện bà Nguyệt con có các yêu cầu về bồi thường danh dự, giá trị cây trồng trên đất và tiền mất thu nhập do không canh tác được bằng một số tiền cụ thể nhưng chưa được giải quyết tại bản án sơ thẩm. Mặt khác sau khi có bản án sơ thẩm thì phía bị đơn xuất trình thêm nhiều tài liệu, chứng cứ mà cấp sơ thẩm chưa thu thập, làm rõ. Nay Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ để xét xử hoặc sửa bản án sơ thẩm. Đề nghị căn cứ vào Điều 308, 310 Bộ luật tố tụng dân sự để hủy bản án sơ thẩm giao giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chúng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của các đồng bị đơn trong hạn luật định nên được chấp nhận để xét.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vắng mặt đã có ủy quyền hợp lệ; nhưng người được ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; đại diện của Ủy ban nhân dân thành phố H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ theo quy định.

Quá trình kháng cáo, các đồng bị đơn xuất trình thêm tài liệu là bản sao các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông Lê Đình C, gia đình bà Ngân, gia đình ông Dương và một số sổ "lâm bạ" có thể hiện các diện tích đất rừng họ được cấp có con đường nối vào diện tích đất được cấp cho gia đình bà Hảo (là mẹ của bà Nguyệt) trước đây. Tòa án cấp phúc thẩm đã có Quyết định ủy thác cho Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện xác minh bổ sung làm rõ các vấn đề liên quan này nhưng kết quả không làm rõ được.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của các đồng bị đơn:

[2.1] Đối với yêu cầu đòi lại quyền sử dụng đất diện tích 255,5m^2.

Về nguồn gốc đất: Năm 2011, bà Đặng Thị Hảo (mẹ đẻ của bà Nguyệt) được UBND thành phố H cấp giấy chứng nhận QSD đất với tổng diện tích 28.000m^2, gồm 02 thửa. Trong đó thửa số 30 diện tích 27.850m^2 (đất rừng trồng sản xuất); thửa số 40, diện tích 150m^2 (đất thổ cư) tờ bản đồ số 40. Ngày 27/4/2015 bà Hảo chuyển nhượng cho con gái là bà Nguyễn Thị N theo hợp đồng tặng cho QSD đất diện tích 19.926m^2 thuộc thửa số 30, tờ bản đồ số 40. Sau khi được cấp giấy CNQSD đất bà Nguyệt sử dụng ổn định không có tranh chấp.Việc ông Bùi Văn D và ông Mai Cao Cường thoả thuận với bà Nguyệt cho

mượn đất làm đường đi qua đất bà Nguyệt để vào rừng khai thác gỗ là quan hệ mượn đất để sử dụng ngắn hạn; diện tích đất này bà Nguyệt vẫn đang quản lý và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bà Nguyệt lại có yêu cầu khởi kiện yêu cầu tòa án công nhận quyền sử dụng diện tích 250m2 đất nằm trong toàn bộ diện tích 19.926m^2 đất đó; khi xét xử tòa án cấp sơ thẩm lại công nhận quyền sử dụng 250m2 đất này cho bà Nguyệt khi bà Nguyệt đã được công nhận quyền sử dụng bởi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân thành phố H cấp từ năm 2011(cấp cho bà Hảo) và chuyển sang cho bà Nguyệt từ 2015 là không đúng.

Đối với nội dung các đồng bị đơn phản tố cho rằng diện tích đất mà bà Nguyệt cho ông Dương và ông Cường mượn đi qua nguyên là con đường đi chung của các hộ dân đã có từ trước. Thấy: quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã lấy lời khai thể hiện trước đây đã có con đường đi qua đất đang có tranh chấp; đã có quyết định về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố H cung cấp hồ sơ địa chính và tài liệu về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng toàn bộ đất đó cho bà Hảo năm 2011. Ủy ban nhân dân thành phố H đã có văn bản xác định chưa tìm thấy hồ sơ cấp giấy chứng nhận cho bà Hảo năm 2011 và không cung cấp đủ hồ sơ địa chính nhưng tòa án cấp sơ thẩm vẫn đưa vụ án ra xét xử khi chưa đủ tài liệu về việc xác mình hồ sơ gốc của việc cấp đất đó cho bà Hảo là chưa có cơ sở vững chắc. Nay các đồng bị đơn lại xuất trình thêm một số sổ "Lâm Bạ" là bản sao mà họ được cấp tại thời điểm trước khi bà Hảo được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng toàn bộ đất rừng đó; trong đó có phần thể hiện có con đường đi giáp ranh đất đó. Kết quả ủy thác không đủ căn cứ để tòa án cấp phúc thẩm đánh giá chứng cứ để giải quyết khách quan, toàn diện vụ án. Do vậy không có căn cứ để sửa hoặc công nhận kết quả giải quyết của bản án sơ thẩm. Những thiếu sót này không thể khắc phục.

Do vậy cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giao hồ sơ vụ án cho tòa án cấp sơ thẩm xác minh, thu thập đủ tài liệu giải quyết toàn diện vụ án. Kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa phù hợp một phần nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận để hủy bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác sẽ được giải quyết khi tòa án cấp sơ thẩm thụ lý lại vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 308 và khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận kháng cáo của các đồng bị đơn: Ông Bùi Văn D, ông Bùi Ngọc A, ông Lê Đình C, ông Hoàng Văn H, ông Nguyễn Văn T, Bà Đỗ Thị N,

1. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 16/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang giải quyết lại vụ án theo đúng quy định.

2. Tiền tạm ứng án phí và các chi phí tố tụng khác sẽ được giải quyết lại khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý lại vụ án.

3. Bà Đỗ Thị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Cục T.H.A DS tỉnh Hà Giang;
- Đương sự;
- Lưu HS;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Nguyễn Vũ Đông

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Tự Học **Đặng Định Lực** **Nguyễn Vũ Đông**